

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2025/DS-ST

Ngày: 14 - 8 - 2025

*V/v tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất và vay tài
sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Đồi

Bà Võ Thị Kiều Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bình Em - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 720/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tranh chấp vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Kim L, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số F T, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; nay là: Số F T, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện Đ tỉnh Long An; nay là: Ấp Đ, xã H, tỉnh Tây Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Long T, sinh năm 1962.

2. Ông Nguyễn Long V, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Ô, Khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An; nay là: Ô 4, Khu A, xã H, tỉnh Tây Ninh.

3. Văn phòng C (Nay là Văn phòng C1).

Địa chỉ trụ sở: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; nay là: Ấp Chánh, xã Đ, tỉnh Tây Ninh..

4. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số F T, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; nay là: Số F T, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông L, bà H và bà N có mặt. Ông V, Văn phòng C1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông L1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Bùi Kim L trình bày như sau: Ngày 07/01/2023, ông có thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Cẩm H phần đất thuộc thửa đất số 133, tờ bản đồ số 12, diện tích 85m², đất tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã H, tỉnh Tây Ninh). Bà H đưa cho ông xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính và Hợp đồng ủy quyền số 18210, quyền số 12/2022TP/CC-SCC/HĐGD (do ông Nguyễn Long Thành ủy Q cho bà H được toàn quyền quyết định định đoạt quyền sử dụng đất thửa đất số 133). Sau đó bà H có dẫn ông đi xem đất và chỉ ranh đất, ông thấy hiện trạng đất là đất trống nên đồng ý nhận chuyển nhượng với giá là 800.000.000 đồng (T1 trăm triệu đồng). Hai bên công chứng Hợp đồng chuyển nhượng tại Văn phòng C, công chứng số 105, quyền số 01/2023/CC-SCC/HĐGD ngày 07/01/2023 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông đang quản lý. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng ông có lên thăm đất thì được các hộ kế bên nói là đất của ông Nguyễn Long T.

Nay ông khởi kiện yêu cầu: Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Long T (do bà Nguyễn Thị Cẩm H đại diện ủy quyền) với ông Bùi Kim L được Văn phòng C2, quyền số 01/2023TP/CC-SCCHĐGD ngày 07/01/2023 và buộc bà Nguyễn Thị Cẩm H trả lại cho ông Bùi Kim L tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Kim L rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc bà Nguyễn Thị Cẩm H có trách nhiệm trả lại cho ông Bùi Kim L tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng), nếu sau này ông và bà H không thỏa thuận được đối số tiền bà H còn nợ thì ông L sẽ khởi kiện bà H trong vụ án khác. Ngoài ra, vì bận công việc nên ông làm đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H trình bày: Ngày 23/12/2022, bà có cho ông Nguyễn Long V vay số tiền 150.000.000 đồng để làm ăn, lãi suất 0,3%/tháng, 2 bên có làm phụ lục hợp đồng số 1/PLHĐ ngày 23/12/2022. Để đảm bảo số tiền vay của ông V thì ông Nguyễn Long T (ba ruột ông V) thế chấp tài sản cho bà bằng hình thức ký hợp đồng ủy quyền thửa đất số 133 tờ bản đồ số 12, diện tích 85m², tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Từ khi vay đến nay, ông V không đóng lãi và cũng không trả cho bà số tiền

gốc nào. Sau đó, ba ông V là ông Nguyễn Long T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng ủy quyền giữa bà với ông T và đã được Tòa án giải quyết xong. Sau khi Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng thì ông nhiều lần yêu cầu ông V trả tiền cho ông để tôi trả cho ông L nhưng ông V cố tình lẩn tránh.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Kim L thì bà hoàn toàn đồng ý vô hiệu hợp đồng và việc trả lại số tiền 800.000.000 đồng. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin trả ông L mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 800.000.000 đồng.

Ngoài ra bà có ý kiến yêu cầu ông Nguyễn Long V là người vay tiền của bà có trách nhiệm trả cho bà số tiền 150.000.000 đồng tiền nợ gốc, yêu cầu trả lãi 0,3%/tháng, tạm tính từ ngày 24/12/2022 đến ngày 20/5/2025 là 80.000.000 đồng. Tổng số tiền tôi yêu cầu ông V trả là 230.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Long V trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Cẩm H về việc trước đây có vay của bà H số tiền 150.000.000 đồng để làm ăn. Tuy nhiên, do công việc kinh doanh bị thất bại nên ông không còn khả năng trả cho bà H. Nay trước yêu cầu của bà H về việc yêu cầu ông trả tổng cộng số tiền 230.000.000 đồng thì ông đồng ý trả cho bà H nhưng xin thời hạn 04 tháng kể từ ngày 20/5/2025.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N trình bày: Bà là vợ của ông Bùi Kim L ông L có ký chuyển nhượng của bà H một thửa đất với giá chuyển nhượng là 800.000.000 đồng. Đây là số tiền riêng của ông L bà không có liên quan đến khoản tiền này. Ngoài ra bà xin vắng mặt trong vụ kiện này.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự thống nhất thỏa thuận được nội dung như sau:

- Các đương sự đồng ý vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Long T (do bà Nguyễn Thị Cẩm H đại diện ủy quyền) với ông Bùi Kim L được Văn phòng C2, quyền số 01/2023TP/CC-SCCHĐGD ngày 07/01/2023 và ông L tự nguyện giao trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H, ông T và không có yêu cầu gì khác.

- Ông Nguyễn Long V đồng ý tự nguyện trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm H số tiền 230.000.000 đồng. Thời hạn trả là 04 tháng kể từ ngày 20/5/2025;

- Ông Bùi Kim L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Cẩm H về việc trả số tiền 800.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An phát biểu:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử vụ án, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Bùi Kim L khởi kiện tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và vay tài sản với bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và vay tài sản*”, bà Nguyễn Thị Kim H1 địa chỉ trụ sở tại xã H, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh thụ lý là thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Long V, Văn phòng C1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Long T vắng mặt lần thứ hai không có lý do và nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải. Các đương sự đều thống nhất các chứng cứ của vụ án đã được giao nộp đầy đủ và được công khai đúng thủ tục, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác. Qua hòa giải các đương sự đã không thỏa thuận được với nhau, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Đối với yêu cầu vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Long T (do bà Nguyễn Thị Cẩm H đại diện ủy quyền) với ông Bùi Kim L được Văn phòng C2, quyển số 01/2023TP/CC-SCCHĐGD ngày 07/01/2023 hiện nay do ông Nguyễn Long T đứng tên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào Bản án số 77/2024 ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh) đã có hiệu lực pháp luật và lời trình bày của nguyên đơn ông L, bà H, ông V đều xác định xuất phát từ việc vay tiền bằng hình thức ký ủy quyền và chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc thửa đất số 133, tờ bản đồ số 12, diện tích 85m², đất tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An nên đây được xem là các tình tiết sự thật của vụ án, không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92, 93 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án ông L, bà H, ông Vũ Đ thống nhất đồng ý vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Long T (do bà Nguyễn Thị Cẩm H đại diện ủy quyền) với ông Bùi Kim L được Văn phòng C2, quyển số 01/2023TP/CC-SCCHĐGD ngày

07/01/2023 nên căn cứ Điều 122 và Điều 124 Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Kim L khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Cẩm H về việc trả số tiền 800.000.000đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 20/5/2025 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi Kim L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu này, bị đơn bà H không có ý kiến gì khác nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của ông L. Nếu sau này ông L có yêu cầu thì ông L sẽ khởi kiện bà H trong vụ án khác.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án: Bị đơn bà H có ý kiến yêu cầu ông Nguyễn Long V trả số tiền ông V vay của bà H 150.000.000đồng theo phụ lục hợp đồng số 1/PLHĐ ngày 23/12/2022 và yêu cầu tính lãi suất 0,3%/1 tháng từ ngày 24/12/2022 đến ngày 20/5/2025 là 80.000.000đồng, tổng cộng 230.000.000đồng đối với ý kiến yêu cầu này của bà H được ông Nguyễn Long V tự nguyện đồng ý và tự nguyện trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm H số tiền 230.000.000đồng, thời hạn trả là 04 tháng kể từ ngày 20/5/2025 (tức là ngày 20/9/2025). Xét thấy đây là sự tự nguyện định đoạt của đương sự nên căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và để giải quyết triệt để vụ án nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Bùi Kim L trình bày hiện nay ông đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 572417 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 13/5/2019 đối với thửa đất số 33, tờ bản đồ 133, đất tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã H, tỉnh Tây Ninh) do ông Nguyễn Long T đứng tên và đồng ý trả lại cho phía bà H và ông T theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông Bùi Kim L về việc trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H và ông T.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Nguyễn Long V phải chịu án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ hoàn trả theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 và **khoản 7** Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 271, Điều 273, **khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 244** Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 122, Điều 124, Điều 463, Điều 466, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 và **khoản 7** Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Kim L về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và Hợp đồng vay tài sản*” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H.

1. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn ông Bùi Kim L và bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Long V, sự thỏa thuận cụ thể như sau:

- Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Long T (do bà Nguyễn Thị Cẩm H đại diện ủy quyền) với ông Bùi Kim L được Văn phòng C2, quyền số 01/2023TP/CC-SCCHĐGD ngày 07/01/2023.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Long V về việc đồng ý có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm H số tiền tổng cộng là: 230.000.000đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) theo phụ lục hợp đồng số 1/PLHĐ ngày 23/12/2022.

Buộc ông Nguyễn Long V có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm H số tiền tổng cộng là: 230.000.000đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng), trong đó: Tiền vay gốc là 150.000.000đồng và thỏa thuận tiền lãi là 80.000.000đồng.

Thời gian trả: Trả một lần vào ngày 20/9/2025.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Bùi Kim L có trách nhiệm trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 572417 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 13/5/2019 đối với thửa đất số 33, tờ bản đồ 133, đất tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã H, tỉnh Tây Ninh) cho bà Nguyễn Thị Cẩm H, ông Nguyễn Long T.

Trường hợp ông Bùi Kim L không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp) để cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Long T phù hợp với quy định của luật Đất đai và kết quả giải quyết của Tòa án.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Kim L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Cẩm H phải có trách nhiệm trả số tiền 800.000.000đồng (*Tám trăm triệu đồng*).

Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: Đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm H phải chịu 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ vào 5.119.000đồng số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010245 ngày 10/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (Nay là: Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3, tỉnh Tây Ninh) để thi hành. Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Cẩm H số tiền 4.969.000đồng.

Buộc ông Nguyễn Long V phải chịu 5.750.000đồng (*Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước. Ông Nguyễn Long V chưa nộp.

Ông Bùi Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Thi hành án dân sự tỉnh T hoàn lại cho ông Bùi Kim L số tiền 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0005680 ngày 23/9/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - Tây Ninh).

6. Về quyền kháng cáo: Án xét xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 3 – Tây Ninh;
- THA dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thành